

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HC-PT

Ngày 13 - 7- 2018

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
về việc thu hồi giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chế Linh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hải

Bà Lê Thị Minh Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Duy là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 07/2017/TLPT-HC ngày 07 tháng 11 năm 2017 về khiếu kiện quyết định hành chính.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 38/2017/QĐ-PT ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị C; cư trú tại phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Huy K; cư trú tại phường C, quận N, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26/01/2018).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận B, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ: Phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Tâm N, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn N; cư trú tại phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phan Văn Đ; cư trú tại phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.
2. Bà Lê Thu P; cư trú tại phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.
3. Ông Nguyễn Văn Đ1; cư trú tại phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.
4. Bà Ngô Thị S; cư trú tại phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.
5. Bà Nguyễn Thị Đ2; cư trú tại phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.
6. Ông Nguyễn Văn T; cư trú tại phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.
7. Bà Nguyễn Thị Kim P1; cư trú tại phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.
8. Bà Nguyễn Thị C1; cư trú tại phường P, quận O, thành phố Cần Thơ.
9. Bà Nguyễn Thị T1; cư trú tại phường T, quận O, thành phố Cần Thơ.
10. Bà Nguyễn Thị U; cư trú tại phường P, quận O, thành phố Cần Thơ.
11. Ông Nguyễn Văn M; cư trú tại phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà Phan Văn Đ, Lê Thu P: Bà Nguyễn Sỹ K; cư trú tại phường A, quận N, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 01/6/2015).

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà Nguyễn Văn Đ1, Ngô Thị S, Nguyễn Thị Đ2, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Kim P1, Nguyễn Thị C1, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị U: Bà Nguyễn Thị C; cư trú tại số 203 Tổ 4, khu vực Thới Hưng, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền (Các văn bản ủy quyền các ngày 01/7/2015 và 16/9/2015).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị C là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, người khởi kiện trình bày:

Ngày 17/4/2014, Ủy ban nhân dân quận B ban hành quyết định hành chính số 1141/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01550/TAĐ do Ủy ban nhân dân quận B cấp cho bà Nguyễn Thị C vào ngày 18/10/2007 (Sau đây gọi tắt là Quyết định số 1141). Bà C cho rằng, Ủy ban nhân dân quận B không có thẩm quyền giải quyết đối với phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 136 Luật đất đai năm 2003.

Về nguồn gốc đất, bà C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là xuất phát từ việc cha mẹ của bà là ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Ngô Thị S tặng cho. Việc tặng cho này là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật nên được Ủy ban nhân dân quận B cho chuyển đổi từ giấy chứng nhận từ cha mẹ sang cho bà.

Đến nay, chưa có cơ quan thẩm quyền nào tuyên bố hủy bỏ hợp đồng tặng cho cũng như hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà.

Lý do đề Ủy ban nhân dân quận B thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01550/TAD cấp cho bà Nguyễn Thị C là trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Đ1 chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật. Bà C cho rằng, nếu lập luận như phía Ủy ban nhân dân quận B thì cần thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ1 chứ không phải thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà. Với các lý do trên, bà Nguyễn Thị C yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 17/4/2014 của Ủy ban nhân dân quận B vì trái pháp luật và ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Theo các văn bản và lời khai, phía người bị kiện trình bày:

Ông Phan Văn Đ được Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00080.QSDĐ ngày 09/9/1993 tại thửa số 285, tờ bản đồ số 02, tại ấp Thới Hưng, xã T nay là khu vực Thới Hưng, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ. Theo Tờ tường trình số 106/TT.NN.93 ngày 30/8/1993 của Ban Nông nghiệp thành phố Cần Thơ (cũ) kèm theo biên bản xét của Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã T thì danh sách 202 cá nhân đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ông Đ. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn Đ là phù hợp với quy định tại thời điểm cấp giấy (cấp đại trà).

Tháng 8/1993, ông Phan Văn Đ, bà Lê Thu P nhượng lại đất cho ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Ngô Thị S, có lập từ nhượng đất vĩnh viễn. Đến ngày 13/6/2005, ông Đ1 và bà S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00157/TAD, thửa số 194 (thửa số 285 cũ), tờ bản đồ số 02 với diện tích 1.686,6 m² loại đất lúa. Đến năm 2007, ông Đ1 và bà S tặng cho phần đất trên cho con ruột là bà Nguyễn Thị C và bà C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01550/TAD ngày 10/10/2007.

Trong quá trình giải quyết đơn yêu cầu của ông Phan Văn Đ, bà Lê Thu P và qua xem xét trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Đ1, bà Ngô Thị S cho thấy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ1, bà S là trái pháp luật, thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn Đ nhưng lại cấp cho ông Nguyễn Văn Đ1. Hơn nữa, trong tờ nhượng đất vĩnh viễn của ông Đ và ông Đ1 không ghi cụ thể tại thửa đất nào mà chỉ ghi diện tích 1.700 m² nên tài liệu này chưa có giá trị pháp lý để ông Nguyễn Văn Đ1 đăng ký hợp thức hóa quyền sử dụng đất. Trong tờ khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ1 không có kết quả thẩm tra của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định. Ủy ban nhân dân phường T xác nhận trong đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ1 và bà S là nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng từ ông Phan Văn Đ vào tháng 8/1993 nhưng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00080.QSDĐ ngày 09/9/1993 củ Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) cấp cho ông Đ kèm theo trong hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của

ông Đ1 và bà S.

Việc Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 17/4/2014 là phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

Trong bản tự khai và tại phiên tòa, phía người có quyền nghĩa vụ liên quan là ông Phan Văn Đ và bà Lê Thu P trình bày:

Trước đây, ông Phan Văn Đ, bà Lê Thu P có vay của ông Nguyễn Văn Đ1, bà Ngô Thị S 02 chỉ vàng 24K, lãi suất 5%/tháng. Do không đóng lãi 03 tháng nên ông Đ, bà P cố miếng đất ruộng có diện tích trên giấy 1.517 m² (thực tế là 1.700 m²) tại thửa số 285, tờ bản đồ 02 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00080 ngày 07/9/1993 cho ông Đ1 bà S canh tác thu huê lợi để trừ tiền lãi. Khi ông Đ và bà P trả 02 chỉ vàng cho ông Đ1, bà S thì chuộc lại đất như đã thỏa thuận. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính của ông Đ do ông Đ giữ nhưng không biết lý do vì sao ông Đ1 bà S sang tên trên giấy và tặng cho lại cho bà C. Hiện tại, ông Đ và bà P đang khởi kiện bà C trong vụ kiện dân sự đòi lại quyền sử dụng đất và Tòa án nhân dân quận B đang thụ lý giải quyết. Ông Đ và bà P thống nhất với việc Ủy ban nhân dân quận B thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C.

Trong bản tự khai và tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà Nguyễn Thị Đ2, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Kim P1, Nguyễn Thị C1, Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Thị U (đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị C) trình bày: Cha mẹ của các ông, bà là ông Nguyễn Văn Đ1 và Ngô Thị S đã tặng cho phần đất nêu trên cho bà C nên bà C được toàn quyền quyết định. Các ông, bà không có ý kiến thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Năm vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không rõ ý kiến.

Tại bản án số 01/2017/HC-ST ngày 28/8/2017, Tòa án nhân dân quận B đã tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 17/4/2014 về việc thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01550/TAĐ do Ủy ban nhân dân quận B cấp cho bà Nguyễn Thị C vào ngày 18/10/2007.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 11/9/2017, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị C cho rằng: Về mặt thủ tục tố tụng, Tòa án nhân dân quận B đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như không tiến hành đối thoại theo Luật tố tụng hành chính năm 2015; không hoãn phiên tòa khi người bị kiện vắng mặt lần thứ nhất; không triệu tập Phòng tài nguyên môi trường quận B và Ủy ban nhân dân phường T tham gia phiên tòa. Về mặt nội dung, Ủy ban nhân dân quận B không có quyền thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người khởi kiện vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này hình thành trên cơ sở hợp đồng tặng cho, nếu có tranh chấp sẽ do Tòa án giải quyết. Với các lý do đó, người khởi

kiện yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là hủy Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 17/4/2014 của Ủy ban nhân dân quận B.

Tại phiên tòa, người kháng cáo cho rằng, bản chất việc tranh chấp là tranh chấp dân sự, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C vẫn được cơ quan tài nguyên và môi trường xác định là cấp đúng trình tự thủ tục nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân quận B. Người đại diện hợp pháp của ông Đ, bà P cho rằng, trình tự, thủ tục và nội dung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C là trái pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác đơn kháng cáo của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cho rằng, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ1 là trái pháp luật vì không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính của ông Đ, chưa thẩm tra đúng trình tự thủ tục. Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Đ1 là trái pháp luật nên việc ông Đ1 tặng cho quyền sử dụng đất cho bà C cũng trái pháp luật, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ cho rằng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích các tình tiết vụ kiện và các quy định pháp luật liên quan, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ cho rằng, tranh chấp của ông Đ, bà C và ông Đ1 là tranh chấp dân sự. Cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân quận B vẫn cho rằng trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận cho bà C là đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thụ lý xét xử vụ khiếu kiện quyết định hành chính giữa bà Nguyễn Thị C và Ủy ban nhân dân quận B nêu trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 29 Luật tố tụng hành chính năm 2010 và khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 104/2015/QH13 hướng dẫn về việc thi hành Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện là hủy bản án sơ thẩm để chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Tại phiên tòa, người khởi kiện rU phân yêu cầu hủy bản án sơ thẩm mà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Điều này đồng nghĩa với việc yêu cầu sửa bản án sơ thẩm.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận B đã tiến hành lập biên bản đối thoại vào các ngày 13/6/2014 (Bút lục số 53 và 54), 29/5/2015 (Bút lục số 96,97 và 98). Các biên bản này đều có chữ ký của người đại diện hợp pháp của người khởi kiện nên việc người khởi kiện cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành đối thoại là không chính xác. Bên cạnh đó, người khởi

kiện yêu cầu triệu tập người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo đơn kháng cáo là không cần thiết vì Phòng tài nguyên và môi trường là cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân theo Luật tổ chức chính quyền địa P1. Trong việc ban hành quyết định hành chính, Ủy ban nhân dân là cơ quan chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của quyết định mà mình đã ban hành. Đối với Ủy ban nhân dân phường T, thấy rằng, trong trình tự thủ tục ban hành quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C thì không liên quan đến Ủy ban nhân dân phường T. Ủy ban nhân dân phường T chỉ liên quan trong thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất đối với bà C (nếu có). Đây là quan hệ dân sự, Tòa án không xem xét trong vụ án hành chính này. Chính vì vậy, yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ. Tuy nhiên, yêu cầu này đã được người khởi kiện rút tại phiên tòa.

[4] Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C, tại Báo cáo số 431/BC-P.TN&MT ngày 20/11/2013 của Phòng tài nguyên và môi trường quận B xác định việc cấp giấy chứng nhận cho ông Đ1, bà S và việc ông Đ1, bà S tặng cho quyền sử dụng đất cho bà C là trái pháp luật nhưng cũng đồng thời khẳng định rằng bà C được tặng cho ngay tình, hợp pháp và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Đối chiếu với quy định tại Điều 129 Luật đất đai năm 2003, Điều 99 Nghị định 181 thì việc nhận quyền sử dụng đất của bà C thông qua hợp đồng tặng cho là hợp pháp. Do đó, khẳng định của Phòng tài nguyên và môi trường quận B cho rằng trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C đúng pháp luật là chính xác. Nếu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà C là đúng thì không có căn cứ để thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C.

[5] Theo khai nhận của các bên thì cùng một phần đất nhưng có hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp đó cho các chủ sử dụng đất đó là ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị C. Hiện các bên đang tranh chấp quyền sử dụng do Tòa án nhân dân quận B thụ lý giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Như vậy, ai là người có quyền sử dụng đất sẽ được xác định trong việc giải quyết vụ án dân sự. Khi đó, cơ quan hành chính căn cứ vào kết quả giải quyết của Tòa án để cấp, điều chỉnh người có quyền sử dụng đất theo quy định của Điều 100 Luật đất đai năm 2013.

[6] Mặt khác, về nguồn gốc đất và biến động của quá trình sử dụng đất, theo hồ sơ của Ủy ban nhân dân quận B cung cấp thì tại Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Đ1 (Bút lục 83) được xác nhận của Ủy ban nhân dân phường T vào ngày 25/4/2005 ghi nhận nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng của ông Đ vào tháng 8/1993. Tại tờ tường trình nguồn gốc đất (bút lục 80) ngày 16/5/2005 của ông Đ1 đã được Ủy ban nhân dân phường T xác nhận ngày 17/5/2005 có nội dung xác nhận rằng ông Đ1 nhận chuyển nhượng đất của ông Đ năm 1993. Hồ sơ phía Ủy ban nhân dân quận B cung cấp còn có tờ nhượng đất vĩnh viễn giữa các bên nhưng chưa được làm rõ. Qua các tài liệu này cho thấy, trong trường hợp các bên có thỏa thuận chuyển nhượng bằng giấy tay và thời điểm thỏa thuận là trước 15/10/1993 (trước ngày Luật đất

đai năm 1993 có hiệu lực) thì cần xem xét xem đủ điều kiện công nhận theo Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình hay không. Đây là một giao dịch dân sự, nếu có tranh chấp (thực tế các bên đang tranh chấp tại Tòa án nhân dân quận B) thì cần được giải quyết theo thủ tục dân sự để đánh giá tính hợp pháp của việc chuyển nhượng, thời điểm chuyển nhượng, việc giao nhận quyền sử dụng đất, tiền chuyển nhượng... như nhận định ở phần [5] nêu trên. Việc giải quyết tranh chấp của các bên trong trường hợp này cần giải quyết theo thủ tục dân sự là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai số 45/2013/QH13.

[7] Từ những nhận định trên cho thấy Quyết định số 1141 của Ủy ban nhân dân quận B là không hợp pháp vì thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C không trái pháp luật và tranh chấp giữa các bên là tranh chấp dân sự. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C là chưa chính xác, cần sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1141.

[8] Về án phí hành chính, do yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận nên người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm. Người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Điều 348 và Điều 349 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 29 Luật tổ tụng hành chính năm 2010; khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 104/2015/QH13 hướng dẫn về việc thi hành Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 2 Điều 241, Điều 348, Điều 349 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 129 Luật đất đai năm 2003; Điều 42, Điều 99 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; Điều 21 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Điều 32 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện: Hủy Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 17/4/2014 của Ủy ban nhân dân quận B về việc thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01550/TAD do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 18 tháng 10 năm 2007 cho bà Nguyễn Thị C, đất tọa lạc tại khu vực Thới Hưng, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

Về án phí vụ án hành chính: Người bị kiện phải chịu 200.000 đồng. Người khởi kiện được nhận lại 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/005252 ngày 09/5/2014 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/008570 ngày 12/9/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B, thành phố Cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND Q. B;
- VKS ND TP. Cần Thơ;
- Cục THA DS Q. B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Chế Linh